

QUY CHẾ
TUYỂN SINH CÁC NGÀNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG
XUYỀN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1299/QĐ-TĐHHN, ngày 24 tháng 3 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên (sau đây gọi là hình thức ĐTTX) tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (sau đây gọi là Trường Đại học TN&MT HN) bao gồm: những quy định chung trong xét tuyển sinh đào tạo đại học hình thức đào tạo thường xuyên (nguồn tuyển, chính sách ưu tiên, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, phương thức; quy trình tuyển sinh, xét tuyển và xét tuyển bổ sung; trúng tuyển, nhập học, bảo lưu kết quả trúng tuyển); tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh; chế độ báo cáo, bảo quản, lưu trữ tài liệu tuyển sinh; khen thưởng và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại tố cáo.

2. Quy chế này áp dụng đối với thí sinh dự tuyển đại học hình thức ĐTTX; thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tham dự tuyển sinh liên thông đại học hình thức ĐTTX; thí sinh đã tốt nghiệp trình độ đại học tham dự tuyển sinh liên thông để nhận thêm bằng tốt nghiệp đại học của ngành đào tạo khác theo hình thức ĐTTX và các đơn vị, tổ chức và cá nhân khác có liên quan trong công tác tuyển sinh đại học hình thức ĐTTX của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phạm vi tuyển sinh là các ngành và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một số phương thức tuyển sinh nhất định.

2. Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào một ngành đào tạo của Trường thông qua việc đăng ký xét tuyển theo quy định của Trường Đại học TN&MT HN.

3. Xét tuyển là quy trình xử lý để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một ngành đào tạo căn cứ các tiêu chí xét tuyển do Trường xác định.

4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (hay ngưỡng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập được dùng đánh giá để thí sinh có

khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

5. Xét tuyển thẳng là việc công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Bộ GD&ĐT).

6. Tiêu chí đánh giá là những yếu tố được dùng để đánh giá thêm ngoài kết quả xét tuyển của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của ngành, chương trình đào tạo.

7. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa trên thành tích học tập. Thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên.

8. Điểm trúng tuyển của một ngành là ngưỡng điểm mà những thí sinh đã đăng ký nguyện vọng vào ngành đó có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

9. Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển của nhóm thí sinh bình thường, hay cũng chính là số điểm mà nhóm thí sinh ưu tiên được cộng vào điểm xét tuyển.

10. Phương thức tuyển sinh là việc sử dụng độc lập hoặc kết hợp của các kết quả sau đây: kết quả học tập cấp THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT, kết quả kỳ thi độc lập, kết quả kỳ thi bổ trợ, chứng chỉ ngoại ngữ dùng để thay thế điểm môn ngoại ngữ, để xét tuyển thí sinh vào một ngành đào tạo.

11. Mã trường trong tuyển sinh của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định là DMT.

Điều 3. Yêu cầu chung trong tuyển sinh của Nhà trường

1. Thực hiện quyền tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh; bảo đảm nguyên tắc công bằng, khách quan, công khai, minh bạch.

2. Thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của ngành đào tạo. Thực hiện xét tuyển tất cả nguyện vọng hợp lệ của thí sinh đã đăng ký xét tuyển vào Trường.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh của Nhà trường

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực; hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về đánh giá năng lực: Thí sinh được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo;

d) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những ngành đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển;

đ) Về thực hiện cam kết: Thực hiện đúng các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa Nhà trường với cơ sở đào tạo khác

a) Về hợp tác: Đảm bảo hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;

b) Về cạnh tranh: Đảm bảo cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp, công khai trên trang Website Trường và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát;

b) Về trách nhiệm giải trình: Có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về công tác tuyển sinh.

Điều 5. Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển

1. Người dự tuyển được xác định và thông báo trong Thông tin tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm căn cứ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học và các quy định hiện hành khác.

2. Người dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào (đối với các phương thức xét tuyển có quy định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) được quy định tại Thông tin tuyển sinh hàng năm;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Nhà trường có quy định cụ thể về đối tượng, hồ sơ, trình tự, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức nhưng đảm bảo không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực; hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém.

Điều 6. Quy định về phương thức tuyển sinh và nguồn tuyển đối với đào tạo thường xuyên cho đối tượng tốt nghiệp trình độ THPT và tương đương

Trường quy định cụ thể trong Thông tin tuyển sinh hàng năm và Thông báo của mỗi đợt tuyển sinh về phương thức xét tuyển đảm bảo các yêu cầu chung sau:

1. Nhà trường sử dụng tối đa 05 phương thức tuyển sinh (không bao gồm xét tuyển thẳng, xét tuyển đối tượng cử tuyển, xét tuyển đối tượng dự bị đại học).

2. Mỗi phương thức tuyển sinh Nhà trường quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét, điều kiện trúng tuyển trong đó:

- a) Các tiêu chí dùng để đánh giá, xét tuyển phù hợp với yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình đào tạo;
- b) Tổng điểm cộng không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét tuyển;
- c) Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa theo thang điểm xét 30 điểm đối với tổ hợp xét tuyển theo 03 môn và bảo đảm không có thí sinh có điểm xét vượt quá mức điểm 30 điểm (bao gồm cả điểm cộng và điểm ưu tiên theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này).

3. Nguồn xét tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học hình thức ĐTTX là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026. Quy định này không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1, khoản 2 (điểm a, c, d, đ), khoản 3, khoản 4 Điều 8 của Quy chế này.

4. Trường hợp thí sinh sử dụng chứng chỉ Tiếng Anh (để miễn thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ) đăng ký xét tuyển đại học, Nhà trường xây dựng và công bố bảng quy đổi kết quả chứng chỉ Tiếng Anh và điểm xét môn Tiếng Anh như sau:

- a) Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ Tiếng Anh và điểm xét môn Tiếng Anh xây dựng có tối thiểu 05 mức điểm chênh lệch ứng với thang điểm của chứng chỉ sử dụng;
- b) Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ Tiếng Anh được rà soát, điều chỉnh tối thiểu 02 năm một lần trên cơ sở đối sánh kết quả học tập thực tế của sinh viên trúng tuyển áp dụng từ năm tuyển sinh 2026;
- c) Chứng chỉ Tiếng Anh chỉ được dùng cho quy đổi điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển hoặc sử dụng cho điểm khuyến khích;

5. Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT phải sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 03 môn học theo thang điểm 30, trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3.

6. Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

- a) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT dùng để xét tuyển có ít nhất 03 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu đầu vào của ngành đào tạo;
- b) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT có dùng chứng chỉ Tiếng Anh (chứng chỉ ngoại ngữ áp dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành), Nhà trường quy đổi kết quả chứng chỉ Tiếng Anh thành điểm môn Tiếng Anh theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển.

7. Đối với một ngành đào tạo có nhiều phương thức tuyển sinh hoặc kết hợp các phương thức tuyển sinh hoặc sử dụng kết quả kỳ thi tuyển sinh:

a) Xác định độ lệch điểm theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GD&ĐT; bảo đảm tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của ngành đào tạo;

b) Không quy định mã xét tuyển riêng, số lượng tuyển sinh xét tuyển riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển, trừ việc quy định số lượng tuyển sinh xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực thực hiện theo đơn vị hành chính do cấp có thẩm quyền quy định tại Phụ lục I của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm; khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm; khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm Trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của Trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách quy định tại Phụ lục của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a và điểm b khoản này chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.}$

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua

toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành đào tạo do Nhà trường quy định.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia; được xét tuyển thẳng vào ngành đào tạo phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành đào tạo. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

d) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển thẳng;

đ) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ GD&ĐT cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng;

e) Việc xét tuyển thẳng hoặc không được xét tuyển thẳng các đối tượng quy định tại điểm b, c, d, đ của khoản này do Nhà trường quy định trong Thông tin tuyển sinh hàng năm.

3. Căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của ngành đào tạo, Hiệu trưởng xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT;

b) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.

c) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của

Chính phủ;

d) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

4. Quy định hình thức ưu tiên xét tuyển đối với các thí sinh đã đạt ngưỡng đầu vào hoặc cộng điểm (điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích) cho các trường hợp sau đây trong Thông tin tuyển sinh hàng năm:

a) Thí sinh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này dự tuyển vào các ngành đào tạo theo nguyện vọng mà không dùng quyền tuyển thẳng;

b) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;

c) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành đào tạo phù hợp với nghề đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển.

5. Quy định cụ thể và công bố trong Thông tin tuyển sinh: Kế hoạch tuyển sinh, đối tượng, số lượng tuyển sinh, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, ngành đào tạo để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (ngưỡng đầu vào) vào các ngành đào tạo được công bố cụ thể trong Thông tin tuyển sinh và thông báo tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên hàng năm.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên;

2. Thí sinh (hoặc người đại diện pháp luật hợp pháp theo quy định) thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới Nhà trường trong thời gian được gọi nhập học chính thức. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả không quá 36 tháng (kể từ lúc ra quyết định bảo lưu) đối với người quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của Nhà trường, trong đó

phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có thời gian bảo lưu 36 tháng, Nhà trường xem xét giới thiệu vào các Trường, lớp dự bị đại học để ôn tập trước khi vào học chính thức.

Điều 11. Thông tin tuyển sinh của Nhà trường

1. Xây dựng, công bố và thực hiện Thông tin tuyển sinh đại học hình thức ĐTTX để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội.

2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh gồm có:

a) Giới thiệu thông tin chung về Nhà trường, ngành đào tạo tuyển sinh, giấy phép hoạt động của ngành đào tạo (nếu có), quyết định ban hành chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, cơ sở vật chất, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng (nếu có), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn (theo Phụ lục III trong Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT);

b) Thông tin về chi phí đào tạo, học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học (nếu có);

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm gồm cả quy định về đối tượng, điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, số lượng tuyển sinh đối với các ngành đào tạo; quy trình, thủ tục dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Nhà trường.

3. Thông tin tuyển sinh công bố trên trang thông tin điện tử của Trường; duy trì tối thiểu 04 năm liên tục kể từ ngày công bố, trường hợp cập nhật thông tin phải ghi thời điểm cập nhật.

Chương II. TỔ CHỨC TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN

Điều 12. Thời gian tổ chức tuyển sinh

Trường tổ chức tuyển sinh nhiều đợt trong năm căn cứ theo số lượng tuyển sinh, ban hành thông báo mỗi đợt tuyển sinh và công bố công khai trên trang thông tin điện tử. Thời gian từ khi thông báo đến khi bắt đầu xét tuyển cho thí sinh phải tối thiểu là 10 ngày.

Điều 13. Tuyển sinh liên thông đại học hình thức đào tạo thường xuyên

Tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng lên trình

độ đại học, tuyển sinh đào tạo trình độ đại học đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên thực hiện theo các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các nội dung chi tiết khác do Trường quy định trong Thông tin tuyển sinh hàng năm để tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm giải trình.

Điều 14. Hồ sơ dự tuyển

1. Để được xét tuyển, thí sinh nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định của Trường kèm theo lệ phí đăng ký dự tuyển.

2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển cơ bản gồm có:

a) Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường);

b) Bản sao học bạ THPT (có chứng thực) đối với thí sinh dự tuyển đại học; bản sao bằng điểm trung cấp, cao đẳng, đại học (có chứng thực) đối với thí sinh dự tuyển liên thông đại học, các giấy tờ chứng minh điểm xét tuyển sinh khác theo yêu cầu cụ thể trong Thông tin tuyển sinh hàng năm;

c) Bản sao (có chứng thực) bằng tốt nghiệp THPT (đối với những người đã tốt nghiệp các năm trước) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (đối với người dự tuyển ngay trong năm tốt nghiệp) đối với thí sinh dự tuyển đại học; Bản sao (có chứng thực) bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học (đối với những người đã tốt nghiệp các năm trước) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học tạm thời hoặc giấy tờ khác tương đương (đối với người dự tuyển ngay trong năm tốt nghiệp) đối với thí sinh dự tuyển liên thông đại học. Những người mới nộp bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, đầu năm học phải nộp lại bản sao có chứng thực và xuất trình bản chính bằng tốt nghiệp ngay khi có để đối chiếu kiểm tra;

d) Bản sao (có chứng thực) căn cước công dân;

đ) Các hồ sơ, minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT và các diện ưu tiên, cộng điểm khác theo quy định của Trường (nếu có);

3. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin, hồ sơ đăng ký xét tuyển. Trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin đăng ký xét tuyển với hồ sơ gốc.

Điều 15. Xác định điểm trúng tuyển

1. Nguyên tắc xét tuyển được công bố trong thông tin tuyển sinh hàng năm, đảm bảo tuân thủ các quy chế, quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và của Trường.

2. Điểm trúng tuyển được xác định theo từng ngành đào tạo và theo từng đợt tuyển sinh. Căn cứ vào tiêu chí xét tuyển và số lượng tuyển sinh đã công bố, Hội đồng tuyển sinh thông báo điểm trúng tuyển để xác định số lượng thí sinh trúng tuyển phù hợp. Điểm trúng tuyển không được thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

Điều 16. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Hội đồng tuyển sinh gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển, trong

đó quy định rõ thời gian, địa điểm làm thủ tục nhập học, mức học phí và những thủ tục cần thiết khi thí sinh nhập học.

2. Thí sinh trúng tuyển vào Trường phải nộp và xuất trình đầy đủ hồ sơ, giấy tờ nhập học theo quy định.

3. Đối với thí sinh không làm thủ tục nhập học trong thời gian quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận.

b) Thí sinh thuộc quy định tại khoản 1 Điều 10 có thể xin bảo lưu kết quả tuyển sinh.

Điều 17. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ số lượng tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào các ngành đào tạo, Nhà trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Công bố đầy đủ kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung trong các thông báo tuyển sinh; điều kiện xét tuyển đối với các ngành đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt 1.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng không nhập học có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Nhà trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

Điều 18. Trách nhiệm của thí sinh và của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện.

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cá nhân của thí sinh phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Trường Đại học TN&MT HN

a) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh theo quy định hiện hành;

b) Quy định về mức thu, phương thức thu lệ phí tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh tham gia quy trình tuyển sinh của trường;

d) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo nội dung thông tin tuyển sinh đại học đã công bố;

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhà trường

1. Tổ chức tuyển sinh theo thông tin tuyển sinh và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GD&ĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh.

2. Tổ chức rà soát thông tin tuyển sinh, tiến hành kiểm tra nội bộ, hậu kiểm hoạt động tuyển sinh; chủ động giải quyết các rủi ro phát sinh; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm phải hoàn thành cập nhật dữ liệu thực tuyển của tất cả các hình thức đào tạo bao gồm: thông tin thí sinh; thông tin xét tuyển của thí sinh; kết quả xét tuyển của thí sinh; thông tin về ngành đào tạo tuyển sinh; thông tin về phương thức tuyển sinh đã thông báo tuyển sinh trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT.

4. Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Điều 20. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) đại học hình thức ĐTTX để xây dựng, tổ chức, điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học TN&MT HN.

2. Thành phần HĐTS bao gồm:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền.

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng.

c) Ủy viên thư ký thường trực: Trưởng phòng Đào tạo hoặc Giám đốc Phân hiệu tại tỉnh Thanh Hóa.

d) Các ủy viên còn lại: Trưởng hoặc Phó trưởng các đơn vị liên quan liên quan trực tiếp đến công tác tuyển sinh đại học hình thức ĐTTX và cán bộ công nghệ thông tin.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự tuyển vào Trường trong năm đó không được tham gia vào HĐTS.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS

a) Tổ chức triển khai công tác tuyển sinh đại học hình thức ĐTTX theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học TN&MT HN.

b) Tham mưu, tư vấn Hiệu trưởng các vấn đề có liên quan đến tuyển sinh đại học hình thức ĐTTX. Tổng kết công tác tuyển sinh; đề xuất Hiệu trưởng quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao.

c) Tổng kết công tác tuyển sinh đại học hình thức ĐTTX; thực hiện chế độ báo cáo kết quả của công tác tuyển sinh đại học hình thức ĐTTX của Trường với Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan trực tiếp quản lý cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS

a) Tổ chức, điều hành HĐTS thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn;

b) Chịu trách nhiệm báo cáo với Bộ GD&ĐT và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh đại học hình thức ĐTTX của Trường;

5. Phó Chủ tịch HĐTS thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS ủy quyền.

6. Các ủy viên HĐTS chấp hành sự phân công của Lãnh đạo HĐTS.

Điều 21. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS gồm có:

a) Trưởng ban: Trưởng phòng Đào tạo hoặc Giám đốc Phân hiệu tại tỉnh Thanh Hóa.

b) Phó Trưởng ban: Lãnh đạo Phòng, Trung tâm có liên quan đến công tác tuyển sinh đại học hình thức ĐTTX.

c) Các ủy viên: Cán bộ của các đơn vị liên quan; cán bộ có chuyên môn về công nghệ thông tin.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự tuyển vào Trường không được tham gia Ban Thư ký HĐTS trong năm đó.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký

a) Chuẩn bị tài liệu, dữ liệu các phiên họp của HĐTS;

b) Thông báo tuyển sinh và thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường, Phân hiệu và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

c) Tổ chức thu nhận hồ sơ tuyển sinh và phí đăng ký dự tuyển;

d) Nhập thông tin đăng ký dự tuyển; quản lý dữ liệu tuyển sinh;

đ) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;

e) Lập và công bố danh sách thí sinh trúng tuyển;

f) In và gửi giấy báo đến thí sinh trúng tuyển;

- g) Kiểm tra, thu nhận hồ sơ thí sinh trúng tuyển, nhập học theo phân công, quy định;
- h) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS phân công.

3. Trưởng ban Thư ký HĐTS chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐTS việc điều hành công tác của Ban Thư ký,

4. Phó Trưởng ban Thư ký giúp việc cho Trưởng ban tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và thay mặt Trưởng ban giải quyết công việc khi Trưởng ban ủy quyền.

5. Các ủy viên Ban Thư ký chấp hành sự phân công của Lãnh đạo Ban Thư ký.

Điều 22. Xử lý vi phạm

1. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào Trường trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là công chức, viên chức, tùy theo mức độ sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

3. Tùy theo mức độ vi phạm về công tác tuyển sinh sẽ bị áp dụng xử lý theo quy định pháp luật hiện hành. Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và những cá nhân có liên quan vi phạm cũng bị xử lý theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Hàng năm Quy chế này có thể được bổ sung, sửa đổi và cập nhật theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT hoặc tùy theo yêu cầu để phù hợp thực tế. Việc điều chỉnh, sửa đổi do Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội xem xét và quyết định.

PHỤ LỤC: QUY ĐỊNH VỀ KHU VỰC VÀ ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

(Kèm theo Quyết định số: 1299/QĐ-TĐHHN, ngày 24 tháng 3 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

I. Phân chia khu vực tuyển sinh

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

II. Đối tượng chính sách ưu tiên

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
Nhóm UT1	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

Nhóm UT2	
04	<p>a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;</p> <p>b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.</p>
05	<p>a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;</p> <p>b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;</p> <p>c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.</p>
06	<p>a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;</p> <p>b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên;</p> <p>c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.</p>